

Bản án số:196/2018/HNGĐ-PT

Ngày 16/11/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Bà Nguyễn Thị Hà**

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Mạnh Hà**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Dương Thị Xuân Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2018/LHPT ngày 02 tháng 10 năm 2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2018/QĐ-PT ngày 01/11/2018, giữa:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T- sinh năm 1967

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1963

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Cụ Nguyễn Thị Hy- sinh năm 1927

+ Chị Nguyễn Thị Chuyên- sinh năm 1992

+ Anh Nguyễn Xuân Tráng- sinh năm 1994

+ Anh Nguyễn Văn Chiến- sinh năm 1997

+ Chị Nguyễn Thị Tâm- sinh năm 1994

+ Anh Nguyễn Văn Lương- sinh năm 1987

Các đương sự đều trú tại: tổ 11- TT Quang Minh- Mê Linh- Hà Nội

+ Chị Nguyễn Thị Sang- sinh năm 1987

Trú tại: Kim Tràng- Tiền Châu- TX Phúc Yên- Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

-Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985, không có đăng ký kết hôn, sau khi về chung sống tại đất và nhà ở tổ 11- thị trấn Quang Minh- Mê Linh- Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống giữa ông và bà H thường phát sinh mâu thuẫn, gần 10 năm trở lại đây mâu thuẫn ngày càng căng thẳng nguyên nhân do ông T đi làm ăn xa, bà H cho rằng ông T có mối quan hệ khác bên ngoài. Từ đó, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Do vậy, ông làm đơn đề nghị tòa án giải quyết không công nhận cho ông và bà H là vợ chồng.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 12/08/1983, được sự đồng ý của gia đình, bà và ông T đã tổ chức lễ cưới từ đó về sống chung tại nhà ông T. Hai người sống với nhau không có đăng ký kết hôn nhưng hạnh phúc và hòa thuận. Đến năm 2011, từ khi con trai thứ 2 của bà mất, ông T có tâm sự với bà là ông có mối quan hệ tình cảm với người con gái khác. Bà có động viên nhưng ông T không nghe và ngày càng lún sâu vào mối quan hệ khác, hay cáu gắt, chửi bới và đánh đập. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là năm 2015, ông T đánh bà phải nhờ đến sự can thiệp của chính quyền địa phương. Từ đó bà H và ông T ly thân nhau. Nay ông T có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, bà không đồng ý vì đã có thời gian sống chung và đã có con chung, các con đã lớn, bà tuổi đã cao.

-Về con chung: Ông T khai trong thời kỳ 2 người chung sống có 5 con chung gồm:

1. Nguyễn Thị Sang, sinh năm 1987
2. Nguyễn Văn Trọng, sinh năm 1990 (đã mất)
3. Nguyễn Thị Chuyên, sinh năm 1992
4. Nguyễn Xuân Tráng, sinh năm 1994
5. Nguyễn Văn Chiến, sinh năm 1997

Bà Nguyễn Thị H có quan điểm về con chung thống nhất như ông T trình bày về độ tuổi và sự trưởng thành của các con, ông T và bà H đều không yêu cầu tòa giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung:

Ông T trình bày: Năm 1989, ông đi bộ đội, sau khi xuất ngũ HTX cấp cho ông bà DT 291,5m² theo tiêu chuẩn giãn dân tại tổ 11- TT Quang Minh. Năm 2000, ông cùng bà H xây dựng 01 nhà 2 tầng DT 50m²/1 sàn. Đến năm 2011 xây thêm 1 nhà 3 tầng DT 50m²/1 sàn, ngoài ra còn làm 01 công trình phụ DT 20m², nay vợ chồng chị Chuyên con gái ông đang ở nhờ. Trong tổng DT 291,5m² ông bà có chuyển nhượng cho anh Doãn 39m² (Đã tách sổ riêng). Năm 2015, ông bà có mua được 01 DT 103m² đất ao tại tổ 11- TT Quang Minh – Mê Linh. Nguồn tiền do đền bù ruộng của gia đình. Cả 2 thửa đều có giấy CNQSDĐ tên ông T.

Đồ dùng sinh hoạt gồm 02 bộ bàn ghế sa lon, 01 tủ chè, 01 sập gụ, 1 tủ tường và 1 số đồ dùng sinh hoạt khác. Khi giải quyết ông T đề nghị chia đôi, còn 1 số đồ dùng sinh hoạt khác ông không yêu cầu mà 2 bên tự chia.

- Về công nợ: Tại biên bản tự khai, biên bản hòa giải ông trình bày có cho một số hộ vay tiền. Tại biên bản hòa giải kế tiếp ông xin rút yêu cầu này và không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về công sức: ông T xác định không có, không yêu cầu tòa xem xét.

* Bà H trình bày về tài sản, công sức, công nợ:

Bà thừa nhận những quan điểm và những lời trình bày của ông T là đúng, việc ông T yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận bà với ông T là vợ chồng, bà không đồng ý nên bà không có quan điểm về các mối quan hệ trên. Bà không yêu cầu tòa giải quyết về tài sản, công sức, công nợ và đất ruộng canh tác.

****Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Cụ Nguyễn Thị Hy sinh năm 1927 (mẹ đẻ ông T) trình bày: Cụ là mẹ đẻ ông T, bà H là con dâu cụ, gia đình cụ theo Đạo Thiên chúa nên vợ chồng không được phép bỏ nhau, đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị về đoàn tụ, nếu anh Tĩnh kiên quyết thì đó là việc của anh chị.

Về nguồn gốc tài sản DT 291,5 m² đất thổ cư là HTX bán cho anh chị Tĩnh Huy, hiện nay là tài sản của anh chị. Nếu tòa giải quyết ly hôn chia cho mỗi người 1/2. Cụ nay tuổi đã cao đề nghị xin được vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Chuyên, Nguyễn Thị Sang, anh Nguyễn Văn Tráng, Nguyễn Văn Chiến (là con trai, con gái ông T và bà H), anh Nguyễn Văn Lương (chồng chị Chuyên), chị Nguyễn Thị Thanh Tâm (con dâu) đều có quan điểm:

Về nguồn gốc tài sản, diện tích và tài sản xây dựng trên đất ông T và bà H trình bày là đúng, việc ông T có đơn yêu cầu tòa án không công nhận là vợ chồng, các anh chị đều không đồng ý. Về phần tài sản các anh chị đều không có quan điểm.

- Đối với số tiền mà anh Nguyễn Văn Lương (chồng chị Chuyên) và chị Chuyên đầu tư vào ốp tường, làm đường dây điện hết khoảng 5.000.000đ anh chị không có quan điểm gì.

Tại bản án số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội đã xử và quyết định:

Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn T

1. Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị H
2. Về con chung: không đặt ra xem xét
3. Về tài sản:

- Giao cho ông T diện tích đất ở 52m² bởi các điểm MNPL, các chiều thể hiện như sau:

+ Chiều điểm nổi là NM dài 8m

+ Chiều điểm nối ML dài 6m50

+ Chiều điểm nối LP dài 8m

+ Chiều điểm nối PN dài 6m50

Trong khuôn viên diện tích đất trên có 1 nhà cấp 4 lợp tôn diện tích 17m².

Ông T có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Lương chị Chuyên 5.000.000đ tiền ốp tường và làm đường điện.

- Giao cho ông T quản lý và sử dụng diện tích đất ao 103,8m², thửa 1311-2, tờ bản đồ số 36 tờ 11 – TT Quang Minh – Mê Linh – Hà Nội, chúng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn T. Bới với các điểm ABCDEF, cụ thể như sau:

+ Chiều điểm nối AB dài 27,20 m

+ Chiều điểm nối BC dài 2,42m

+ Chiều điểm nối CD dài 3,73 m

+ Chiều điểm nối DE dài 1,47m

+ Chiều điểm nối EF dài 23,67 m

+ Chiều điểm nối FA dài 3,94m

Tổng giá trị tài sản giao cho ông T có trị giá: 122.905.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng)

- Giao cho bà H quản lý và sử dụng các tài sản: 01 nhà 2 tầng ký hiệu B2 có các điểm nối BCDFE:

+ Chiều điểm nối BC dài 2,89 m

+ Chiều điểm nối CD dài 1,6m

+ Chiều điểm nối DE dài 11,56 m

+ Chiều điểm nối EF dài 4,49 m

+ Chiều điểm nối BF dài 11,56m

- Giao cho bà H quản lý và sử dụng 01 nhà 3 tầng có ký hiệu B3 có các điểm nối ABFI:

+ Chiều điểm nối FI dài 4,28 m

+ Chiều điểm nối IA dài 19,3m

+ Chiều điểm nối AB dài 4,28 m

+ Chiều điểm nối BF dài 11,56 m

Bà H còn được sử dụng mái tôn trước nhà diện tích 60m². Tổng giá trị tài sản giao cho bà H có trị giá: 655.650.000 đ (Sáu trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

- Lối đi chung của ông T và bà H từ đường ngõ xóm vào đất nhà ông bà được chia là diện tích đất có các điểm QFGHIJLP có các chiều như sau:

+ Chiều điểm nối QF dài 9,92 m

+ Chiều điểm nối FG dài 5,82m

+ Chiều điểm nối GH dài 9,13 m

+ Chiều điểm nối HI dài 1,86 m

- + Chiều điểm nối IJ dài 14,1m
- + Chiều điểm nối JL dài 3,91m
- + Chiều điểm nối PL dài 8m

Không ai có quyền ngăn cản, chuyển nhượng, làm cản trở hay xây dựng trên diện tích đất là lỗi đi chung của ông T và bà H.

- Cây cối lâm lộc nằm trên diện tích đất của ông T và bà H được giao thì người đó có quyền quản lý và thu lợi.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà H không yêu cầu xem xét về đồ dùng sinh hoạt gia đình.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà H phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản được giao trong thời kỳ chung sống.

- Giành quyền yêu cầu về công sức của những người có quyền lợi liên quan đối với ông T và bà H (nếu có yêu cầu)

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/8/2018, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị xét xử chia lại tài sản cho 9 người.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cũng như không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Bà H trình bày: Việc tuổi của bà trong sổ hộ khẩu và trong chứng minh nhân dân có sự khác nhau về năm sinh nhưng vẫn là một người. Bà thừa nhận các tài sản chung của hai người như biên bản định giá là đúng. Tuy nhiên thửa đất ao do cả cháu Sang, cháu Trọng và cháu Chuyên góp tiền vào mua nhưng bà cũng không có tài liệu nào để xuất trình. Nay bà đề nghị nếu chia tài sản chung thì phải chia đôi tất cả các tài sản. Nếu ông T không đồng ý thì bà cũng không đồng ý chia tài sản, còn ông T muốn đi đâu làm gì với ai cũng được.

Ông T trình bày: Ông xác định tài sản chung của hai người như cấp sơ thẩm đã xác định. Tuy nhiên ông không kháng cáo và tự nguyện lấy phần tài sản ít hơn như cấp sơ thẩm đã phân chia và không yêu cầu bà H phải thanh toán tiền chênh lệch.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét phần đánh giá tài sản chung giữa bà H và ông T thì cấp sơ thẩm đã xác định là đúng. Tuy nhiên, tại phần quyết định phân chia tài sản cho ông T và bà H việc mô tả trong bản án không phù hợp với với sơ đồ kèm theo bản án. Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành đo đạc lại hiện trạng nên đề nghị sửa

lại bản án cho phù hợp và tính lại án phí trên cơ sở tài sản các bên được hưởng. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà H và sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa các đương sự đều xác định hai thửa đất là tài sản chung của hai người, mặc dù bà H cho rằng tiền mua đất ao có một phần của các con nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Mặt khác bà đề nghị nếu chia tài sản thì tất cả tài sản đều phải chia đôi. Tuy nhiên, phía ông T tự nguyện lấy phần tài sản ít hơn và không yêu cầu bà H phải thanh toán phần chênh lệch nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T. Xét nội dung bản án sơ thẩm xác định phần nhà đất chia cho các đương sự không rõ ràng nên cần thiết sửa án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Do hiện trạng thửa đất không còn đủ như trong giấy chứng nhận nhưng các bên đương sự không có tranh chấp với các thửa liền kề và khuôn viên đất đã xây tường bao, được sử dụng ổn định nên chia cho các đương sự theo hiện trạng thửa đất.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được phân chia. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 30/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội và xử:

Về tài sản:

- Chia cho ông T sở hữu diện tích đất ở 50m² ở thửa 364, tờ bản đồ số 28, trên có một nhà cấp 4 lợp tôn diện tích 20m², tại tổ 11 thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội được giới hạn bởi các điểm KLMNPTK(Có sơ đồ kèm theo). Chia cho ông T sở hữu diện tích 103,8m² đất ao ở thửa 131¹-2, tờ bản đồ số 36, tại tổ 11 thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

Ông T có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Lương chị Chuyên 5.000.000đ tiền ốp tường và làm đường điện.

Chia cho bà H sở hữu diện tích 150m² đất (trong đó có 97,2m² đất ở và 52,8m² đất vườn) thửa 364 tờ bản đồ số 28, trên có một nhà hai tầng, một nhà ba

tầng và một mái tôn có diện tích 50m² được giới hạn bởi các điểm PQABCDET. (Có sơ đồ kèm theo).

- Dành diện tích lối đi chung vào thửa đất của ông T và bà H từ đường ngõ xóm vào đất nhà ông bà có diện tích 42m² được giới hạn bởi các điểm HFETKIH. (Có sơ đồ kèm theo).

Không ai có quyền ngăn cản, chuyển nhượng, làm cản trở hay xây dựng trên diện tích đất là lối đi chung của ông T và bà H.

- Cây cối lâm lộc nằm trên diện tích đất của ông T và bà H được giao thì người đó có quyền quản lý và thu lợi.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà H không yêu cầu xem xét về đồ dùng sinh hoạt gia đình.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà H phải thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản được giao trong thời kỳ chung sống.

- Giành quyền yêu cầu về công sức của những người có quyền lợi liên quan đối với ông T và bà H nếu có yêu cầu.

2. Về án phí: Ông T phải chịu 5.950.650đ án phí chia tài sản sơ thẩm, 250.000đ án phí thanh toán tiền công tôn tạo tài sản sơ thẩm và 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0004340 ngày 13/12/2016 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Ông T còn phải nộp tiếp 6.000.650đ (Sáu triệu sáu trăm năm mươi đồng) án phí.

Bà H phải chịu 28.562.000đ án phí chia tài sản sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà H theo biên lai thu số 16643 ngày 10/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Bà H còn phải nộp tiếp 28.262.000đ (Hai tám triệu hai trăm sáu hai nghìn đồng).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Hà Nội;
- TAND huyện Mê Linh, HN;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh, HN;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng